TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/*2018/DSST*
Ngày: 28/11/2018
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hùng Cường

2. Ông Nguyễn Phi Hùng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Thủy-Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:* bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/. *Bị đơn*: Anh Lê Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thanh T trình bày: Vào khoảng tháng 01 năm 2001 chị T và anh T chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức cưới nhưng không đăng ký hết hôn. Chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẩn do tính tình không phù hợp và cũng từ năm 2009 chị T và anh T không còn chung sống với nhau. Nay chị T xác định là không còn tình cảm với anh T do đó chị T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh T.

- Về con chung: chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Trí A, sinh ngày 22/8/2001; hiện con chung đang sống với anh T, chị T đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Minh T vắng mặt tại phiên Tòa, anh T có văn bản trình bày: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và thời gian xảy ra mâu thuẩn, do tính tình không phù hợp cho nên vào năm 2009 anh T và chị T phát sinh mâu thuẩn cũng từ năm 2009 anh T và chị T không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nay anh T cũng xác định là không còn tình cảm với chị T nên chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị T thì anh đồng ý.

Về con chung: anh T thống nhất theo lời trình bày của chị T, anh và chị có môt con chung, hiện cháu Lê Trí A đang sống với anh T, anh T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội

đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã cơ bản thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành thấy đảm bảo đủ điều kiện và hợp pháp. Riêng đối với bị đơn không chấp hành theo Giấy triệu tập của Tòa án nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt Thanh theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn với ông H; giao con chung là cháu Lê Trí A cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, việc anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần công nhận. Về án phí: Chị T nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị T và anh T chung sống như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến 2009 thì chị T và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị T và anh T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T

và anh T không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...."

Hơn nữa, trong thời gian còn sống chung với nhau giữa chị T và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, chị T và anh T không còn niềm tin đối với nhau. Từ năm 2009 đến nay anh chị đã sống ly thân, cả hai không còn quan tâm lo lắng cho nhau và không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vì vậy, chị Nguyễn Thanh T đề nghị Tòa án không công nhận chị T và anh T là vợ chồng là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thanh T và Lê Minh T đều thống nhất trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng thì anh chị có 01 con chung là Lê Trí An, sinh ngày 22/8/2001, hiện cháu A đang sống với anh T, chị T và anh T thỏa thuận giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy : từ khi anh chị ly thân đến nay cháu An do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T xác nhận thời gian qua anh T nuôi dưỡng cháu An rất tốt đồng thời việc thỏa thuận của chị T và anh T đúng theo qui định của pháp luật do đó giao cháu Lê Trí A cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị T có yêu cầu khác là có căn cứ để chấp nhận.

Chị T được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Minh T không yêu cầu chị Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

6. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Minh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử **:**

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thanh T và anh Lê Minh T.

2/. *Về con chung:* Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh T về việc nuôi con chung, giao cháu Lê Trí An, sinh ngày 22/8/2001 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi chị T có yêu cầu cầu khác. Chị T không cấp dưỡng nuôi con, chị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung:* không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03215 ngày 16/7/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị T đã nộp xong.

5/. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong